TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DS-PT
Ngày 09-01 -2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng giao khoán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Hồ Minh Tấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nguyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng giao khoán"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 355/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lâm Thúy L, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (có mặt).

Bà Trần Ánh N, sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Ấp A, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N (là bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lâm Thúy L trình bày: Năm 2014 bà nhận chuyển nhượng thành quả lao động trên diện tích đất rừng mà ông Trần Vũ K nhận giao khoán với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2, phần đất toạ lạc tại tiểu khu C, thuộc ấp A, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau. Việc chuyển nhượng thành quả lao động được Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 đồng ý. Đến ngày 30/12/2015 bà được Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 ký hợp đồng giao khoán diện tích phần đất thực tế 58.899 m^2 tại thửa đất số 17+11, tọa lạc tại khoảnh 1, tiểu khu C, thuộc ấp A, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau *(Trên phần đất giao khoán cho bà Lâm Thúy L có Trường Tiểu học T3 xây năm 2001, hiện nay không*

còn sử dụng). Sau khi nhận đất giao khoán, bà trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến năm 2018 thì ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N tự ý đến cất nhà trên phần đất mà bà được nhận khoán của Công ty và bà đã nhiều lần yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Đến năm 2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 đã hòa giải vụ việc tranh chấp trên nhưng ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N không đồng ý di dời đi nơi khác để trả lại đất. Do đó, bà yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N di dời nhà và các tài sản ra khỏi phần đất tranh chấp để trả lại cho bà phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 1.307,9m^2 và bà đồng ý hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N số tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng để ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N đi nơi khác sinh sống.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T cho rằng: Ông không đồng ý di dời nhà và khai thác các cây cối, hoa màu trả đất lại theo yêu cầu của bà Lâm Thúy L vì phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc do cha mẹ vợ ông là ông Trần Văn T1, bà Lâm Thị D được L1 ngư trường U, nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L3 đất với diện tích 6,75ha. Đến năm 2001 cha, mẹ vợ ông hiến cho trường tiểu học I1 *(Nay là trường Tiểu học T3)* diện tích đất 1.694m^2 để xây trường học. Khi hiến đất có lập biên bản và nhà trường cam kết cho lại vợ chồng ông một nền nhà ngang 05m, dài 20m, trường hợp trường không sử dụng nữa thì trả lại cho cha, mẹ vợ ông. Nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thúy L.

Bà Trần Ánh N thống nhất ý kiến và lời trình bày của ông Nguyễn Văn T.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 xác định là phần đất đang tranh chấp nằm trong diện tích đất 6,75 ha mà Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 giao khoán cho bà Lâm Thúy L vào năm 2015. Phần đất này nguồn gốc không phải của ông Trần Văn Thế m là đất của L1 Ngư trường U Minh I (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2) giao khoán cho ông Trần Văn T1 với tổng diện tích 6,75 ha. Quá trình sử dụng đất giao khoán thì L1 Ngư trường chấp nhận cho hộ ông Trần Văn T1 chuyển nhượng thành quả lao động cho ông Trần Vũ K vào năm 2003 và ông Trần Vũ K chuyển nhượng thành quả lao động cho bà Lâm Thúy L vào năm 2014. Bà Lâm Thúy L đã được Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 giao khoán phần đất trên vào năm 2015. Do vậy, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thúy L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thúy L. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N tháo dở, di dời toàn bộ phần kiến trúc căn nhà có diện tích 177,2m^2 khung cột, kèo đòn tay bằng gỗ tràm, lợp tol và nhà vệ sinh và khai thác, thu hoạch, tận thu, di dời các cây trồng có trên đất đi nơi khác để trả đất cho bà Lâm Thúy L quản lý sử dụng phần đất diện tích 1.307,9m^2 theo hợp đồng giao khoán với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2. Vị trí đất theo mảnh trích đo hiện trạng của Công ty trách nhiệm hữu hạn P lập ngày 17/11/2022.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lâm Thúy L đối với phần diện tích đất tiếp giáp lộ 93 và cặp kênh 93.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thúy L về việc hỗ trợ, di dời cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N số tiền 5.000.000 đồng.

4. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N trả cho bà Lâm Thúy L số tiền chi phí đo đạc, định giá là 12.985.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21/4/2023, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Ánh N thực hiện quá thời hạn luật định nhưng cả 02 lần quá hạn đều có lý do chính đáng nên được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau chấp nhận cho việc kháng cáo quá hạn. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về quan hệ pháp luật thì giữa nguyên đơn bà Lâm Thúy L với bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N tranh chấp với nhau về quyền sử dụng đối với phần diện tích đất 1.307,9m^2, tọa lạc tại ấp A, xã N, huyện U và phần đất thuộc diện tích đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 giao khoán cho bà Lâm Thúy L. Từ đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng giao khoán là có căn cứ.

[3] Xét về nguồn gốc đất và diễn biến của vụ việc tranh chấp cho thấy: Phần đất đang tranh chấp nằm trong diện tích đất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 giao khoán cho bà Lâm Thúy L tại Hợp đồng giao khoán rừng và đất rừng sản xuất số: 1374/2015/HĐ-RSX ngày 30/12/2015. Phần đất này trước năm 2003 là đất Lâm nghiệp được Nhà nước giao cho L4 quản lý *(Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2)* và L1 Ngư Trường U Minh I giao khoán cho hộ ông Trần Văn T1 với diện tích giao khoán là 6,75 ha vào năm 1992. Quá trình sử dụng đất giao khoán đến năm 2001, L1 Ngư trường U Minh I thống nhất với hộ nhận khoán là ông Trần Văn T1 giao cho Trường Tiểu học I1 *(Sau này là trường Tiểu học Trịnh Minh H, hiện tại điểm trường này đã xóa, không còn hoạt động)* xây dựng trường học với diện tích là 1.699,5m^2. Đến năm 2003, hộ ông Trần Văn T1 được L1 Ngư trường U Minh I thống nhất cho chuyển nhượng thành quả lao động trên toàn bộ diện tích đất nhận khoán cho ông Trần Vũ K. Ông Trần Văn T1 đã trả lại đất nhận khoán cho L1 Ngư Trường và Lâm Ngư t đã giao khoán phần đất trên lại cho ông Trần Vũ K tại Hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp, ngày 30/9/2003. Năm 2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành Quyết định số:

191/QĐ-CTUB ngày 22/10/2004 về việc giao cho L1 Ngư trường U Minh I diện tích đất 6.846 ha, tọa lạc tại 02 xã K và N, huyện U để quản lý, sử dụng vào mục đích trồng rừng sản xuất, sản xuất nông nghiệp, thổ cư và kênh thủy lợi (Trong đó có phần đất đang tranh chấp). Năm 2014, bà Lâm Thúy L nhận chuyển nhượng thành quả lao động từ ông Trần Vũ K trên toàn bộ diện tích đất 6,75 ha và được Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 chấp nhận, ông Trần Vũ K ký xác nhận thủ tục trả đất nhận khoán lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 tại *"Đơn giao trả hợp đồng nhận khoán đất lâm nghiệp"* ngày 02/4/2014. Năm 2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 lập Hợp đồng giao khoán phần đất trên cho bà Lâm Thúy L tại *"Hợp đồng giao khoán rừng và đất rừng sản xuất"* số: 1374/2015/HĐ-RSX ngày 30/12/2015. Đối với Trường Tiểu học I1 *(hiện tại là trường Tiểu học T3)* là điểm trường 93-35 là điểm trường lẻ và điểm trường này đã được xóa vào năm 2018 nên không còn hoạt động. Phần cơ sở vật chất chờ chủ trương để thanh lý. Riêng diện tích đất 1.699,5m^2 xây dựng trường được cơ quan có thẩm quyền xác định là không có cấp quyền sử dụng đất cho T mà vẫn còn trong diện tích đất được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C giao cho L1 Ngư trường quản lý, sử dụng theo Quyết định 191/QĐ-CTUB ngày 22/10/2004. Năm 2018, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N đến cất nhà ở và chiếm phần đất sử dụng có diện tích 1.307,9m^2 trong phần đất xây dựng trường Trịnh Minh H, từ đó xảy ra tranh chấp.

[4] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N cho thấy: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N cho rằng phần đất đang tranh chấp là của ông Trần Văn T1, bà Lâm Thị D được L1 Ngư trường U Minh 1 cấp đất. Khi hiến cho trường tiểu học I1 diện tích đất 1.694m^2 để xây trường học có lập biên bản về việc nhà trường cam kết cho lại vợ chồng ông bà một nền nhà ngang 05m, dài 20m, trường hợp nhà trường không sử dụng nữa thì trả lại đất cho ông Trần Văn T1, bà Lâm Thị D.

Tuy nhiên, từ diễn biến về nguồn gốc đất đã cho thấy phần đất trong thời gian ông Trần Văn T1 sử dụng không phải đất do Nhà nước giao đất, cấp đất cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định của Luật đất đai mà là phần đất do ông Trần Văn T1 nhận giao khoán với L1 Ngư trường U Minh I, nên ông Trần Văn T1 chỉ có quyền quản lý, sử dụng đất theo hợp đồng giao khoán với Lâm Ngư T2, chứ không có đầy đủ các quyền của người sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Điều 49 của Luật đất đai năm 1987; Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 105, 106 của Luật Đất đai năm 2003 cũng như quy định tại Điều 166, 167 của Luật Đất đai năm 2013. Việc ông Trần Văn T1 thống nhất giao diện tích đất để xây dựng trường học cũng như việc thỏa thuận trả lại đất như ông Nguyễn Văn T trình bày cũng chỉ là quyền thỏa thuận của người sử dụng đất nhận khoán và trong thời gian nhận khoán. Hơn nữa, toàn bộ phần đất nhận khoán đã được ông Trần Văn T1 chuyển nhượng thành quả lao động cho ông Trần Vũ K và ông Trần Văn T1 cũng đã ký xác lập thủ tục trả lại đất cho L1 Ngư trường U Minh I từ năm 2003 và cũng từ thời gian này, ông Trần Văn T1 không còn quyền quản lý, sử dụng và các quyền lợi có liên quan đối với phần đất 6,75 ha đã nhận khoán của L1

Ngư Trường U Minh I. Hơn nữa, phần đất trên cũng đã được L1 Ngư Trường U Minh I giao khoán qua nhiều người từ ông Trần Vũ K rồi đến bà Lâm Thúy L.

Tuy phần đất ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N đang chiếm sử dụng nằm trong diện tích đất xây dựng Trường Tiểu học T3 nhưng điểm trường này đã được xóa vào năm 2018, không còn hoạt động và T Tiểu học Trịnh Minh H cũng không được cấp quyền sử dụng đối với phần đất xây dựng trường mà vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 theo Quyết định số: 191/QĐ-CTUB ngày 22/10/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C. Ngày 02/4/2014, sau khi chấp nhận cho bà Lâm Thúy L nhận chuyển nhượng thành quả lao động từ ông Trần Vũ K thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 đã kiểm tra, lập biên bản bàn giao hiện trạng đất lâm nghiệp với diện tích 6,75 hecta, bao gồm cả trường học để giao cho bà Lâm Thúy L và sau đó Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 đã giao khoán cho bà Lâm Thúy L tại Hợp đồng giao khoán rừng và đất rừng sản xuất số: 1374/2015/HĐ-RSX ngày 30/12/2015, nên phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Lâm Thúy L theo hợp đồng giao khoán. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N di dời nhà, tài sản trên đất để giao trả lại đất cho bà Lâm Thúy L sử dụng theo hợp đồng giao khoán là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N cho rằng bà Lâm Thúy L nhận chuyển nhượng đất trong khi T tiểu học đang hoạt động và không được sự đồng ý của vợ chồng ông, bà; không thương lượng, thỏa thuận với vợ chồng ông bà về thành quả đầu tư trên đất là không hợp pháp. Nhưng qua diễn biến vụ việc thì khi ông Trần Vũ K nhận chuyển nhượng thành quả lao động, giá trị đầu tư từ ông Trần Văn T1 thì các quyền lợi của hộ gia đình ông Trần Văn T1 không còn liên quan đến phần đất nhận khoán mà đã được thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Trần Vũ K. Còn khi bà Lâm Thúy L nhận chuyển nhượng thành quả lao động là nhận chuyển nhượng từ ông Trần Vũ K chứ không phải ông Trần Văn T1. Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N không phải là hộ nhận khoán và cũng không có quyền quyết định đối với phần đất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 giao khoán cho bà Lâm Thúy L.

[5] Xét về diện tích đất đang tranh chấp cho thấy: Phần đất hiện đang do ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N chiếm giữ theo cấp sơ thẩm xác định bằng 1.307,9m^2 là chưa chính xác. Theo bản trích đo hiện trạng thì ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N đang chiếm giữ 02 thửa đất có tổng diện tích là 1.678,8m^2, trong đó có bao gồm diện tích phòng học là 157m^2 (hiện còn cơ sở vật chất của Trường tiểu học T3); diện tích lộ bê tông 179,2m^2; diện tích căn chòi giáp Kênh 93 là 47,2m^2 (là diện tích đất mà nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện) nên trong phần diện tích đất tranh chấp đã trừ đi 03 phần diện tích đất nêu trên, phần diện tích đất còn lại buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N giao trả là 1.295,4m^2 chứ không phải là 1.307,9m^2. Việc sai sót trên là do nhầm lẫn trong phép tính nên không cần thiết phải tuyên sửa án sơ thẩm mà chỉ cần điều chỉnh lại cho phù hợp với thực tế.

[6] Từ những cơ sở trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

[7] Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được công nhận.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N phải chịu theo quy định chung.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

2. Căn cứ các Điều 147, 148, 157, 165; Điểm c, khoản 1, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 166, 167 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lâm Thúy L đối với phần diện tích đất tiếp giáp lộ 93 và cặp kênh 93, diện tích 47,2m^2, toạ lạc tại tiểu khu C, thuộc ấp A, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thúy L. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N giao trả lại cho bà Lâm Thúy L phần đất đang chiếm giữ có diện tích 1.295,4m^2, toạ lạc tại thửa 17 +11, khoảnh 01, tiểu khu C, thuộc ấp A, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau. Vị trí khu đất được xách định tại mảnh trích đo hiện trạng của Công ty trách nhiệm hữu hạn P lập ngày 17/11/2022 *(kèm theo bản trích đo)*.

- Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N tháo dở, di dời toàn bộ nhà ở; công trình kiến trúc, công trình phụ trợ (nhà vệ sinh) và khai thác, tận thu, di dời cây trồng có trên diện tích đất tranh chấp 1.295,4m^2 đi nơi khác để trả lại đất cho bà Lâm Thúy L quản lý, sử dụng theo Hợp đồng giao khoán rừng và đất rừng sản xuất số: 1374/2015/HĐ-RSX ngày 30/12/2015.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thúy L về việc hỗ trợ, chi phí di dời cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N bằng số tiền 5.000.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N trả cho bà Lâm Thúy L số tiền chi phí đo đạc và chi phí thẩm định giá là 12.985.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N phải chịu 300.000 đồng. Bà Lâm Thúy L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0010526 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn T, bà Trần Ánh N mỗi người phải chịu 300.000 đồng được đối trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại các biên lai

thu tiền số 0011209 và số 0011210 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA